TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2024
V/v *ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Trịnh Ngọc Tuấn.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà***: Ông Nguyên Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: Thôn Năm Lu, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh Lương Văn A, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lương Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 22/10/2016; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Đại diện hợp pháp của cháu L và cháu M là: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn A (Bố mẹ của các cháu).

Người làm chứng: Bà Phan Thị N, sinh năm 1966, trú tại: Thôn X, xã C, huyện, tỉnh Hoà Bình.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn A kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên ngày 27/3/2012. Quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách, quan điểm sống quá khác nhau, anh A chơi bời, không chịu làm ăn, nhiều lần đánh chị. Đầu năm 2024 đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm hỏi han gì đến nhau. Cho đến nay, chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là cháu Lương Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 22/10/2016. Nguyện vọng của hai con muốn ở với bố, anh A muốn nuôi hai con và không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị nhất trí.

Về công nợ, tài sản: Chị và anh A không có nợ chung, không có tài sản chung nên chị không có đề nghị Toà án giải quyết về phần tài sản.

Bị đơn anh Lương Văn A trình bày: Anh A xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Theo anh A, anh đi ăn uống với bạn bè không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, một mình anh đi làm nuôi cả gia đình nên có nhiều áp lực. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh nhất trí. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Lương Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 22/10/2016. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu L và cháu M đến khi thành niên, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về công nợ, tài sản: Anh và chị H không có công nợ chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lương Thuỳ L và cháu Lương Minh Nhật trình bày: Nguyện vọng của hai cháu đều muốn được ở với bố.

Người làm chứng bà Phan Thị N (mẹ đẻ chị H) trình bày: Chị H và anh A kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên nhủ, hoà giải mâu thuẫn nhưng không thành. Đến nay, bà tôn trọng nguyện vọng của các con, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh A có 02 con chung như chị H anh A trình bày, về việc nuôi dưỡng các cháu đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của vợ chồng anh A. Vợ chồng chị H không có đóng góp gì về kinh tế của gia đình bà, bà không đề nghị giải quyết về phần tài sản. Bà đề nghị Toà án giải quyết xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh A. Giao cháu L và cháu M cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh A không yêu cầu

chị H cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về công nợ, tài sản: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Bùi Thị H khởi kiện ly hôn với anh Lương Văn A, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lương Văn A hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị H và bị đơn anh A vắng mặt nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai của chị H, anh A cũng như các tài liệu, chứng cứ khác, đã phù hợp với Biên bản xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, nên có đủ cơ sở xác định: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn A đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/3/2012 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh A là hợp pháp. Hội đồng xét xử, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh A đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H và anh A ly hôn là phù hợp với thực tế và theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh A có 02 con chung là cháu Lương Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 22/10/2016. Xét, cháu L và cháu M đang ở với anh A, anh A có chỗ ở ổn định, có đề nghị Toà án giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng các con, các con có nguyện vọng ở với bố, chị H nhất trí. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, điều kiện chăm sóc con, nguyện vọng của các bên cần chấp nhận yêu cầu giao cháu L và cháu M cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: Anh A và chị H đều không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về công nợ, tài sản*: Chị H và anh A không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H và anh Lương Văn A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Thuỳ L, sinh ngày 01/10/2012 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 22/10/2016 cho anh Lương Văn A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Việc công nợ và tài sản: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003232 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp xong án phí ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- UBND xã Đ (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Thị Thu Hương